

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày 27 tháng 4 năm 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN – TỈNH BẠC LIÊU**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Thiện Phong

Bà Ngô Hồng Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Hiếu – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2020/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Địa chỉ: Số 40-42-44 Ph, phường V, thành phố R, tỉnh K. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người được ủy quyền: Ông Võ Tấn Đ, sinh năm 1987 - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh B - Phòng giao dịch Ph (Theo văn bản ủy quyền số 460/GUQ-PGDPL ngày 30/9/2020), *(Có mặt)*.

2. *Đồng bị đơn:* Ông Võ Thanh C, sinh năm 1973 và bà Phan Thị Anh Đ, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B, *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K là ông Võ Tấn Đ trình bày: Vào ngày 04/6/2014, ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 703/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP K – chi nhánh B – phòng giao dịch Ph để vay số tiền là 15.000.000 đồng, thời hạn vay 180 ngày. Ngày giải ngân tiền vay là ngày 06/6/2014. Mục đích sử dụng vốn vay là mua bán. Lãi suất trong hạn là 14,94%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Hình thức thanh toán: gốc, lãi trả hàng ngày. Tài sản dùng để thế chấp bảo đảm cho hợp đồng vay là xe gắn máy HONDA, biển kiểm soát: 94F1-084.27, số máy C43E.6367043, số khung:

4320BY419227.

Tiếp đó, vào ngày 20/11/2015 ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số VD00900/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP K – chi nhánh B – phòng giao dịch Ph để vay số tiền là 12.000.000 đồng, thời hạn vay 180 ngày. Ngày giải ngân tiền vay là ngày 20/11/2015. Mục đích sử dụng vốn vay là mua bán. Lãi suất trong hạn là 14,94%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Hình thức thanh toán: gốc, lãi trả hàng ngày. Vay theo hình thức tín chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ chỉ thanh toán được cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền là 12.222.019 đồng nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký. Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xem xét, giải quyết: Buộc ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ phải có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/9/2020 đối với hai hợp đồng tín dụng nêu trên là **34.918.482 đồng** (trong đó: *Vốn gốc là 15.616.667 đồng, lãi trong hạn là 1.150.584 đồng, lãi quá hạn là 18.151.231 đồng*) và tiền lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Đối với đồng bị đơn ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có đến nhà ông C và bà Đ để tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như làm việc với ông C và bà Đ, tuy nhiên ông C và bà Đ không có mặt tại địa phương. Qua xác minh chính quyền địa phương thì được biết ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ hiện tại không có mặt tại địa phương nhưng ông C và bà Đ vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B và trong một năm thì ông C, bà Đ có về địa phương một vài lần nhưng không biết chính xác khi nào ông C, bà Đ về. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông C, bà Đ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đồng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K. Buộc ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2021) là **36.912.828 đồng** (trong đó: *Vốn gốc là 15.616.667 đồng, lãi trong hạn là 1.150.584 đồng, lãi quá hạn là 20.145.577 đồng*) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Ngoài ra ông C và bà Đ còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu đồng bị đơn ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ phải trả nợ vay cho Ngân hàng, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng đồng thời đồng bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Đồng bị đơn ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đồng bị đơn theo khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ trả nợ vay cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định vào ngày 04/6/2014 ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 703/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B – phòng giao dịch Ph để vay số tiền gốc là 15.000.000 đồng, tài sản dùng để thế chấp cho hợp đồng vay này là xe gắn máy HONDA, biển kiểm soát: 94F1-084.27, số máy C43E.6367043, số khung: 4320BY419227. Tiếp đó, đến ngày 20/11/2015 ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số VD00900/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B – phòng giao dịch Ph để vay số tiền là 12.000.000 đồng, vay theo hình thức tín chấp. Khi ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP K thì ông C, bà Đ có ghi rõ địa chỉ của ông C và bà Đ tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B nhưng đến hạn thanh toán nợ ông C và bà Đ đã rời khỏi địa phương không thông báo cho Ngân hàng biết, chính quyền địa phương cũng không rõ ông C và bà Đ đi đâu. Từ đó, cho thấy ông C, bà Đ cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP K. Do đó việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 703/HĐTD-CC được ký kết giữa ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ với Ngân hàng TMCP K vào ngày 04/6/2014 thì ông C, bà Đ có thế chấp tài sản là xe gắn máy HONDA, biển kiểm soát: 94F1-084.27, số máy C43E.6367043, số khung: 4320BY419227 cho Ngân hàng, tuy nhiên Ngân hàng không yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp này nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[5] Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2021), tổng số tiền gốc và lãi ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ còn nợ Ngân hàng TMCP K theo hợp đồng vay số 703/HĐTD-CC ngày 04/6/2014 và hợp đồng vay số VD00900/HĐTD-CC 20/11/2015 là **36.912.828** đồng (trong đó: Vốn gốc là 15.616.667 đồng, lãi trong hạn là 1.150.584

đồng, lãi quá hạn là 20.145.577 đồng). Do đó, buộc ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2021) là **36.912.828** đồng.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Buộc ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.846.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ.

2. Buộc ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2021) là **36.912.828** đồng (*trong đó: Vốn gốc là 15.616.667 đồng, lãi trong hạn là 1.150.584 đồng, lãi quá hạn là 20.145.577 đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Võ Thanh C và bà Phan Thị Anh Đ có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.846.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Ngân hàng TMCP K đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 870.000 đồng theo biên lai thu số 0003341 ngày 09/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Cao Văn Tám